

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-PT
Ngày 23 tháng 9 năm 2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Ông Trần Xuân Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT-DS ngày 17/8/2022 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Do Bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số nhà 210, đường L, tổ 07, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

1.2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số nhà 01/3, ngõ 25, tổ 01, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị P, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - bà Lê Thị B, bà Lê Thị A trình bày:*

Bố mẹ các bà là cụ Lê Thái H, sinh năm 1930, chết ngày 19/12/1992 và cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1929, chết ngày 26/02/1989. Trước khi chết, cụ H và cụ T không để lại di chúc. Cụ H, cụ T có 03 con chung là: bà Lê Thị A, bà Lê Thị B và ông Lê Văn N, không có con nuôi, con riêng nào khác. Trong thời gian chung sống, hai cụ tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất ở và nhà ở tại địa chỉ hiện nay là số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Toàn bộ diện tích đất là di sản của hai cụ để lại, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Di sản được xác định căn cứ vào các tài liệu đang được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong như sau:

- Tài liệu đo đạc năm 1976, di sản trên thuộc thửa đất số 109, số nhà 19, tên chủ sở hữu là Lê Thái H, diện tích đất là 47m², loại đất T (thổ).

- Tài liệu 241 (đo đạc năm 1997), di sản trên thuộc thửa đất số 04, tổ 05, tên chủ sử dụng đất là Lê Văn L, diện tích 48.9m², loại đất T (thổ).

- Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng) lập tháng 02/1997 thì di sản trên thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07, tên chủ sử dụng đất là Lê Văn N (Lê Văn L và Lê Văn N là một người).

Năm 1992, khi cụ Lê Thái H mất, bà Lê Thị B và bà Lê Thị A đã xây dựng gia đình, còn ông Lê Văn N thì chưa lập gia đình, hai bà và ông N thống nhất với nhau toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà ở trên là tài sản của bố mẹ, cả ba cùng quản lý và sử dụng, coi đó là ngôi nhà chung như khi bố mẹ còn sống. Năm 2005, ông Lê Văn N kết hôn với bà Vũ Thị P, vợ chồng ông N được tạm thời sinh sống trên ngôi nhà của bố mẹ. Bà A và ông N sau khi được bà B đồng ý, vẫn tiếp tục kinh doanh cho tới ngày nay, bà A bán thính, ông N sửa loa đài. Đầu năm 2021, hai bà bàn bạc và cùng thống nhất làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên mang tên tất cả những người thừa kế

đồng sở hữu nhưng ông Lê Văn N không đồng ý. Vì vậy, nguyên đơn xác định quyền sử dụng đất của bố mẹ để lại là di sản thừa kế chưa chia, để chia di sản thừa kế theo pháp luật và nguyện vọng được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất. Đối với ngôi nhà trên đất của bố mẹ để lại thì các bà không yêu cầu chia vì nhà đã cũ, vợ chồng ông N đã phá đi, xây lại nhà mới, nên yêu cầu ông N tự tháo dỡ công trình trả đất cho các bà.

** Bị đơn là ông Lê Văn N trình bày:*

Ông N nhất trí với bà B và bà A về năm sinh, năm mất của bố mẹ, về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Khi còn sống tâm nguyện của bố mẹ là để lại mảnh đất này cho ông vì ông là con trai duy nhất trong gia đình, bố mẹ chỉ nói bằng lời, không có di chúc và cũng không làm thủ tục tặng cho. Trên đất lúc đó có 01 ngôi nhà bên ngoài lợp mái ngói, bên trong xây mái bằng và các công trình phụ. Từ ngày bà A và bà B đi lấy chồng thì ông là lao động chính, khi bố mẹ già yếu ông là người chăm sóc chính. Sau khi bố mất được hai năm thì ông xây lại công trình phụ và nhà vệ sinh, trị giá ngày ấy là 5.000.000 đồng. Năm 2004, ông phá gian nhà ngói phía ngoài mặt đường xây 02 tầng, mái bằng, diện tích sàn sử dụng là 45m², trị giá lúc xây là 60.000.000 đồng. Năm 2005, ông kết hôn với bà P, vợ chồng ông cùng các con sinh sống tại nhà và đất trên. Năm 2019, vợ chồng ông dỡ toàn bộ nhà mái bằng tại khu đất phía trong xây lại nhà và công trình phụ diện tích là 28m² và xây 03 tầng, diện tích sử dụng là 75m², trị giá lúc xây là 350.000.000 đồng. Toàn bộ chi phí sửa và xây nhà lúc trước là của ông, sau này là của hai vợ chồng, bà B và bà A không có đóng góp gì. Bà Lê Thị A sau khi lấy chồng, vì kinh tế khó khăn nên có sang nhờ ông bán hộ thính để khách mua về làm nem, vì nghĩ tình chị em nên ông đồng ý bán hộ. Bà A chỉ mang thính đến rồi về, không ngồi lại bán hàng hay sinh sống trên thửa đất này.

Ông Lê Văn N không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất của bà B và bà A vì hai bà đi lấy chồng hiện đã có nhà ở, mặt khác diện tích đất là di sản thừa kế của bố mẹ để lại nhỏ, không thể chia được. Quan điểm của ông N về chia thừa kế của bố mẹ để lại như sau:

- Đối với phần di sản thừa kế của mẹ ông (cụ T) để lại đã hết thời hiệu, ông đề nghị được áp dụng thời hiệu chia thừa kế, còn phần di sản thừa kế của bố ông chia theo pháp luật, đề nghị xem xét và chia cho bà B, bà A bằng tiền.

- Ông yêu cầu được tính công tôn tạo, duy trì, bảo quản di sản vì từ ngày bố mẹ chết, ông là người ở trên đất, trông nom, xây dựng, kiến thiết nhà cửa, là người thờ cúng bố mẹ và là người đóng thuế sử dụng đất và có tên trên bản đồ quản lý đất đai của Nhà nước, đồng thời cũng là người phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Vũ Thị P trình bày:*

Bà P kết hôn với ông N năm 2005. Năm 2019, vợ chồng bà dỡ toàn bộ nhà mái bằng tại khu đất phía trong xây lại nhà và công trình phụ diện tích là 28m² và xây 03 tầng, diện tích sử dụng là 75m², trị giá lúc xây là 350.000.000 đồng. Chi phí xây nhà là của vợ chồng. Hiện nay gia đình bà vẫn đang sử dụng nhà đất của bố mẹ để lại để sinh sống và kinh doanh kiếm kế sinh nhai. Bà P đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, bà không yêu cầu về công tôn tạo, bảo quản và duy trì di sản, đề nghị tính toàn bộ công tôn tạo, duy trì, bảo quản di sản cho ông Lê Văn N.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường L thể hiện:

Cụ Lê Thái H và cụ Nguyễn Thị T là vợ chồng, hai cụ có 03 người con là bà Lê Thị B, bà Lê Thị A và ông Lê Văn N. Đối với quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ trên có nguồn gốc như sau:

- Theo bản đồ năm 1976 là thửa đất số 109, chủ sở hữu là Lê Thái H, diện tích 47m², loại đất thổ cư (số liệu trước thời điểm ngày 18/12/1980).

- Theo bản đồ 241 (năm 1997) là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07, loại đất thổ cư, diện tích 48,9m², chủ sử dụng đất là Lê Văn N, tên trong sổ mục kê là Lê Văn L (ông L và ông N là một người).

- Theo Bản đồ Vlap là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07, loại đất ở đô thị, diện tích 48,9m², chủ sử dụng đất là Lê Văn N.

Hiện nay nhà đất trên do ông Lê Văn N và bà Vũ Thị P quản lý và sử dụng, ông N là người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đất phi nông nghiệp tại địa phương. Hai người con gái của cụ H và cụ T là bà Lê Thị B và bà Lê Thị A đã đi lấy chồng, không sinh sống tại số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Kết quả định giá tài sản ngày 25/3/2022 thể hiện: Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07, địa chỉ số nhà 31, đường H, tổ 01,

phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình là 90.000.000 đồng/m² (chín mươi triệu đồng).

Bản án sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 184, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 610, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B và bà Lê Thị A về chia di sản thừa kế của cụ Lê Thái H và cụ Nguyễn Thị T.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thái H và cụ Nguyễn Thị T là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 07, nay là số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình có diện tích 48,9 m². Trong đó phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T đã hết thời hiệu là 24,45 m², phần di sản thừa kế của cụ Lê Thái H còn thời hiệu là 24,45 m².

3. Giao cho ông Lê Văn N được quyền sử dụng 48,9 m² đất ở thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 07, nay là số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Thửa đất có vị trí, kích thước như sau: phía Đông giáp đất ông Vũ Văn Toàn dài 4,31m + 2,44m + 1,9m + 2,02m + 2,1m; phía Nam giáp đất ông Nhâm Đức Minh dài 4,72m + 0,1m + 4,09m; phía Tây giáp ngõ dài 8,08m; phía Bắc giáp đường Hai Bà Trưng dài 4,35m (có sơ đồ kèm theo).

4. Ông Lê Văn N và bà Vũ Thị P được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà hai tầng phía trước, khung cột chịu lực, có ban công đua ra 1,5m, xây dựng năm 2003 và nhà ba tầng phía sau, khung cột chịu lực, xây năm 2019.

5. Buộc ông Lê Văn N phải thanh toán cho bà Lê Thị B và bà Lê Thị A, mỗi người 640.166.000 đồng (sáu trăm bốn mươi triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị B và bà Lê Thị A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản là

2.294.000 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, ông Lê Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị: Xác định thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07, tại địa chỉ số 31, đường H, tổ 01, phường, thành phố T không phải là di sản thừa kế của vì bố mẹ ông không có bìa đỏ và giấy tờ quyền sử dụng đất. Đồng thời đề nghị tăng thêm phần tiền cho người quản lý di sản.

Ngày 21/7/2022, bà Lê Thị B, bà Lê Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị: xác định toàn bộ thửa số 104, tờ bản đồ số 07, tại địa chỉ số 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T là di sản thừa kế của bố mẹ để lại chưa chia để chia đều cho 03 người con là bà B, bà A, ông N. Đồng thời, đề nghị định giá lại giá đất vì giá đất mà Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đưa ra là quá thấp so với giá trị thực tế giao dịch của thị trường làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại biên bản định giá lại tài sản ngày 09/9/2022, Hội đồng định giá căn cứ vào Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 ban hành về bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Thái Bình của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 22, kết luận: giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 104, tờ bản đồ 07, tại địa chỉ số 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình là: $102.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 48,9 \text{ m}^2 = 4.987.800.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, xác định thửa đất số 104, tờ bản đồ 07 là di sản thừa kế của bố mẹ để lại, phần di sản của cụ T hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế nên đề nghị chia di sản thừa kế của cụ H để lại thành 04 phần, ông N được hưởng 02 phần, bà A, bà B mỗi người một phần. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không đồng ý với kết luận định giá lại của Hội đồng định giá cấp phúc thẩm đã định giá lại là $102.000.000 \text{ đồng/m}^2$ mà cần giữ nguyên kết luận định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là $90.000.000 \text{ đồng/m}^2$.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo, xác định

thửa số 104, tờ bản đồ số 07, tại địa chỉ số 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T là di sản thừa kế của bố mẹ để lại, phần di sản thừa kế của cụ T để lại hết thời hiệu chia thừa kế nên không yêu cầu chia, còn phần di sản thừa kế của cụ H thì đề nghị giữ nguyên cách chia như Tòa án sơ thẩm đã chia nhưng giá trị di sản tính theo giá trị đã được định giá lại ngày 09/9/2022 là 102.000.000 đồng/m². Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng chia di sản thừa kế của cụ H thành 04 phần, ông N hưởng 02 phần, bà A, bà B mỗi người một phần theo giá trị định giá cũ là 90.000.000 đồng/m² mà đề nghị giữ nguyên như cách chia của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng theo chia theo giá trị của kết luận định giá lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị B và bà Lê Thị A, sửa Bản án dân sự số 20/2022/DS-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về việc chấp nhận giá theo kết luận định giá lại của Hội đồng định giá cấp phúc thẩm, tăng giá trị đất từ 90.000.000 đồng/m² lên mức giá 102.000.000 đồng/m², để chia lại giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Lê Văn N, bà Lê Thị B, bà Lê Thị A làm trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự thì thấy:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện, xác định di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế của cụ Lê Thái H và cụ Nguyễn Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc ông Lê Văn N cho rằng thừa đất số

104, tờ bản đồ 07 không phải là di sản thừa kế của cụ H, cụ T bởi các cụ không có bìa đỏ và giấy tờ quyền sử dụng đất là nhận thức không đúng, bởi theo bản đồ năm 1976 thể hiện là thửa đất số 109, chủ sở hữu là cụ Lê Thái H, diện tích 47m², đây là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp của cụ H, cụ T. Sau khi cụ H, cụ T chết thì theo Bản đồ 241 (năm 1997), thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07, loại đất thổ cư, diện tích 48,9m², đứng tên người sử dụng đất là Lê Văn N nhưng bản đồ đo đạc năm 1997 này chỉ thể hiện hiện trạng người đang quản lý, sử dụng đất, không phải là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N. Mặt khác, cụ H, cụ T mất không để lại di chúc, di sản thừa kế của các cụ chưa được tặng cho, chuyển nhượng cho ông Lê Văn N hay bất kì ai khác, ông N không chứng minh được việc cụ H, cụ T đã di chúc bằng miệng lại cho ông thừa đất này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất này là di sản thừa kế của cụ H, cụ T là đúng pháp luật. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, ông N thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 104 là di sản thừa kế của cụ H và cụ T là đúng pháp luật nên chấp nhận sự thay đổi nội dung kháng cáo của ông Lê Văn N. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T đã hết theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B, bà A đã thay đổi nội dung kháng cáo, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc xác định di sản thừa kế của cụ T đã hết thời hiệu khởi kiện, nên các bà chỉ yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ H để lại nên chấp nhận sự thay đổi nội dung kháng cáo của Lê Thị B, bà Lê Thị A.

[2.2] Theo đơn yêu cầu định giá lại giá trị di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07 của nguyên đơn, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định định giá lại tài sản và theo Biên bản định giá lại tài sản ngày 09/9/2022, Hội đồng định giá kết luận giá trị quyền sử dụng thửa đất là $102.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 48,9 \text{ m}^2 = 4.987.800.000 \text{ đồng}$. Do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, xác định giá trị di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 104, tờ bản đồ 07 tăng lên 10.200.000 đồng/m² và chia lại di sản thừa kế của cụ H để lại theo giá trị mới. Cụ thể như sau:

[2.2.1] Xác định di sản của cụ H và cụ T là 48,9m² tại thửa đất số 104, tờ bản đồ số 7, địa chỉ số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái

Bình. Phần di sản thừa kế của mỗi cụ là $24.45\text{m}^2 \times 102.000.000 \text{ đồng} = 2.493.900.000 \text{ đồng}$. Phần di sản thừa kế của cụ T đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế nên không chia mà giao cho ông Lê Văn N là người thừa kế đang quản lý di sản của cụ T tiếp tục quản lý và sử dụng.

[2.2.2] Chia phần di sản thừa kế của cụ Lê Thái H như sau: ông N và bà P thực hiện nghĩa vụ thờ cúng người để lại di sản, có công sức bảo quản, tôn tạo di sản, trước khi chia di sản của cụ H theo pháp luật cần trích ra một phần cho ông N, bà P tương ứng với $\frac{1}{2}$ suất thừa kế: $24,45\text{m}^2 : 4 = 6,1125\text{m}^2 \times 102.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 623.475.000 \text{ đồng} : 2 = 311.737.500 \text{ đồng}$ (làm tròn thành 311.738.000 đồng). Bà P từ chối nhận phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản, vì vậy ông N được hưởng toàn bộ là 311.738.000 đồng. Phần di sản còn lại của cụ H được chia đều cho các đồng thừa kế là bà B, bà A, ông N, mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế là: $(24,45\text{m}^2 \times 102.000.000 \text{ đồng}) = 2.493.900.000 \text{ đồng} - 311.738.000 \text{ đồng} : 3 = 727.387.333 \text{ đồng}$ (làm tròn thành 727.387.000 đồng). Giao cho ông Lê Văn N được quyền sử dụng $48,9\text{m}^2$ đất ở thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 07, địa chỉ số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ông N phải thanh toán cho bà Lê Thị B, bà Lê Thị A mỗi bà 727.387.000 đồng. Ông N và bà P được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu định giá lại của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí định giá lại tài sản là $3.400.000 \text{ đồng} : 2 = 1.700.000 \text{ đồng}$. Bà Lê Thị B, bà Lê Thị A đã nộp đủ chi phí định giá, nên ông Lê Văn N phải thanh toán cho bà B, bà A mỗi người 850.000 đồng chi phí định giá tài sản.

[4] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà B, bà A được chấp nhận nên bà B, bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận nhưng ông N là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị B, bà Lê Thị A,

sửa Bản án sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B và bà Lê Thị A về chia di sản thừa kế của cụ Lê Thái H và cụ Nguyễn Thị T.

2.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thái H và cụ Nguyễn Thị T là quyền sử dụng thửa đất số 104, tờ bản đồ số 07, tại địa chỉ số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình có diện tích 48,9 m². Trong đó phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T đã hết thời hiệu là 24,45 m², phần di sản thừa kế của cụ Lê Thái H còn thời hiệu là 24,45 m².

2.3. Giao cho ông Lê Văn N được quyền sử dụng 48,9 m² đất ở thuộc thửa số 104, tờ bản đồ số 07, tại địa chỉ số nhà 31, đường H, tổ 01, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Thửa đất có vị trí, kích thước như sau: phía Đông giáp đất ông Vũ Văn Toàn dài 4,31m + 2,44m + 1,9m + 2,02m + 2,1m; phía Nam giáp đất ông Nhâm Đức Minh dài 4,72m + 0,1m + 4,09m; phía Tây giáp ngõ dài 8,08m; phía Bắc giáp đường Hai Bà Trưng dài 4,35m (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

2.4. Ông Lê Văn N và bà Vũ Thị P được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà hai tầng phía trước, khung cột chịu lực, có ban công đua ra 1,5m, xây dựng năm 2003 và nhà ba tầng phía sau, khung cột chịu lực, xây năm 2019.

2.5. Buộc ông Lê Văn N phải thanh toán cho bà Lê Thị B và bà Lê Thị A, mỗi người 727.387.000 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

2.6. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị B và bà Lê Thị A chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.294.000 đồng, mỗi bà là: 1.147.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng phúc thẩm: Ông Lê Văn N phải thanh toán cho bà Lê Thị B, bà Lê Thị A mỗi người 850.000 đồng chi phí định giá tài sản.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 23/9/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tp. Thái Bình;
- Chi cục THADS tp. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà